

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 07/02/2023

V/v: Tranh chấp vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Thái Hòa;
Bà Thiều Thị Phi Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1969.**

Địa chỉ: 3/7, khu phố 6, phường Tam Hiệp, thành phố B, Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Hải, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 197/18B, Lưu Văn Việt, khu phố 1, phường Tân Tiến, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1986.**

Địa chỉ: Số 72, tổ 20, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Hải có mặt; bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh Hải trình bày:

Do quen biết từ trước, bà Trần Thị H biết bà Đinh Thị N có kinh doanh bất động sản nên ngày 25/9/2020, bà H có cho bà N vay số tiền 900.000.000 VNĐ (chín trăm triệu đồng), số chuyên khoản CIF 9721911 thông qua hệ thống ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào tài khoản của bà N, để bà N dùng vào mục đích kinh doanh bất động sản. Khi cho vay, các bên chỉ nói miệng và giao kết là trong thời hạn 01 tháng sẽ hoàn trả lại tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng.

Sau đó, khi có việc cần tiền, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà N hoàn trả lại bà

H số tiền trên. Qua nhiều lần thì bà N đã trả cho bà H số tiền tổng cộng là 817.000.000 VNĐ (*Tám trăm mười bảy triệu đồng*) tiền gốc thông qua tài khoản của bà H. Số tiền gốc còn lại 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày vay 25/9/2020 cho đến nay bà N vẫn chưa trả lại cho bà H.

Nay bà H khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà giải quyết tuyên buộc bà Đinh Thị N phải trả lại cho bà Trần Thị H toàn bộ số tiền nợ tính từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/02/2023 là: 138.717.808 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng*), bao gồm tiền nợ gốc: 83.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm là: 55.236.164 đồng.

Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Đinh Thị N đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 06/6/2022 bà Đinh Thị N trình bày:

Vào ngày 25/9/2020. Bà có nhận của bà H số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*) thông qua số tài khoản. Mục đích là bà H gửi tiền chung đầu tư mua bất động sản với bà, sau đó bán ra và cùng chia lợi nhuận. Khi bà vừa nhận tiền được ít hôm thì bà H lấy đủ lý do để nhằm mục đích đòi tiền lãi hàng tháng. Bà quyết định chưa bán được đất nhưng vẫn lo để trả theo yêu cầu của bà H. Khi nào bán ra được đất bà sẽ chia lợi nhuận cho bà H sau.

Sau nhiều lần chuyển trả thì tổng cộng bà đã trả cho bà H số tiền 817.000.000 đồng (*Tám trăm mười bảy triệu đồng*) thông qua số tài khoản của bà H. Số tiền 817.000.000 đồng là bà trả vào tiền gốc.

Bà, bà H và bà Sương có mối quan hệ quen biết, cùng học lớp thể dục. Trong lúc đất chưa bán được mà bà H thì ham đòi tiền lãi. Bà Sương có nợ của bà số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Bà đã nói chuyện yêu cầu bà Sương trả lại cho bà số tiền trên để bà trả cho bà H. Sau đó, bà quyết định sẽ trả cho bà H 150.000.000 đồng số tiền còn lại bao gồm cả tiền gốc còn lại và tiền lãi. Tuy nhiên bà H không chịu, bà H yêu cầu bà trả tổng số tiền là 200.000.000 đồng bao gồm cả gốc còn lại và tiền lãi. Nắm bắt tình hình bất động sản bán ra cũng có lợi nhuận nên bà đồng ý. Sau khi thỏa thuận như vậy thì vào ngày 01/6/2021 tại quán café Cát Tường, phường Tân Hiệp, thành phố B. Có 3 chị em chơi chung: bà, bà H và bà Sương. Bà Sương đã thương lượng với bà H. Số tiền 200.000.000 đồng mà bà Sương trả cho bà N để bà N trả cho bà H. Bà H chưa cần thì cho bà Sương vay lại và vay thêm 4 chỉ vàng, tất cả tính lãi suất 4%/tháng. Tại đây, bà H đã đồng ý và đã viết giấy nợ với bà Sương. Như vậy là bà đã trả xong tiền cho bà H.

Sau này, giữa bà H và bà Sương có giao dịch thêm với nhau số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) nữa nhưng bà không biết và cũng không tham gia. Một thời gian sau, giữa bà H và bà Sương xảy ra mâu thuẫn thì bà H lại quay ra khởi kiện đòi tiền cả bà và bà Sương.

Bằng thủ đoạn cho vay nặng lãi. Bà H nghĩ mình có quyền lực trong tay nên dùng nhiều thủ đoạn để uy hiếp bà.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà không đồng ý, bà đã trả hết nợ cho bà H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật để lấy lại quyền lợi hợp pháp và danh dự cho bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H là có cơ sở chấp nhận, do đó buộc bị đơn bà Đinh Thị N phải trả cho bà Trần Thị H số tiền: 138.717.808 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng), bao gồm tiền nợ gốc: 83.000.000 đồng và tiền lãi: 55.717.808 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị N phải trả số tiền gốc đã vay là 83.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án “Tranh chấp vay tài sản”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định bà Trần Thị H là nguyên đơn; bà Đinh Thị N là bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Đinh Thị N hiện nay có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H là nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Thanh Hải tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Đinh Thị N đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng chỉ có mặt làm bản tự khai vào ngày 06/6/2022 sau đó thì vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Vào ngày 25/9/2020 bà Trần Thị H cho bà Đinh Thị N vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) thông qua lệnh chuyển khoản số CIF 9721911 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản từ tài khoản bà Trần Thị H vào số tài khoản bà Đinh Thị N, thời hạn trả thỏa thuận miệng giữa các bên là 1 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận miệng là

3%/tháng. Sau đó, do cần tiền giải quyết công việc nên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà N trả lại số tiền trên, sau nhiều lần chuyển trả thì bà N đã trả cho bà H tổng số tiền là 817.000.000 đồng (thông qua số tài khoản), tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà N còn nợ bà H số tiền là: 138.717.808 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng*), bao gồm tiền nợ gốc: 83.000.000 đồng và tiền lãi: 55.717.808 đồng.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2022 bị đơn bà Đinh Thị N cũng đã thừa nhận có nhận của bà H 900.000.000 đồng. Đã chuyển trả nhiều lần tổng cộng số tiền là 817.000.000 đồng (*Tám trăm mười bảy triệu đồng*) như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, số tiền bà H chuyển khoản cho bà không phải là cho vay mà là góp chung mua đất, cùng chia lợi nhuận. Xét lời khai của bà N là không có căn cứ chấp nhận vì ngoài lời khai của mình bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc các bên thỏa thuận góp chung mua đất.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2022 bà H cho rằng bà không còn nợ tiền bà H. Lý do là giữa bà, bà H và bà Sương có quan hệ quen biết. Thời điểm bà còn nợ tiền bà H thì bà Sương cũng đang nợ tiền bà. Do đó cả ba đã thỏa thuận với nhau là số tiền bà trả cho bà H thì bà H cho bà Sương vay lại với lãi suất 4%/tháng. Giữa bà H và bà Sương đã làm giấy xác nhận với nhau về vấn đề này. Tuy nhiên, xét thấy đây là chỉ là lời khai tại một phía của bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo số 188/TB – TA ngày 01/11/2022 về việc yêu cầu bà N cung cấp họ tên, địa chỉ cư trú hiện tại của bà Sương để Tòa án triệu tập làm việc, yêu cầu bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh các bên thỏa thuận góp chung tiền mua đất chứ không phải vay tiền, cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã trả hết nợ cho bà H. Tuy nhiên, bà N không cung cấp họ tên, địa chỉ bà Sương cho Tòa án. Bà N cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai đã trả hết tiền nợ cho bà H.

Như vậy, việc thỏa thuận vay mượn giữa các bên là có thật. Căn cứ Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền nợ gốc còn lại là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 25/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 07/2/2023 với số tiền 55.717.808 đồng là phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 357, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo khoản 2, Điều 468 của Bộ luật sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.936.000 đồng (*Sáu triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc bà Đinh Thị N phải trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ là 138.717.808 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng*), bao gồm tiền nợ gốc: 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu đồng*) và tiền lãi: 55.717.808 đồng (*Năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng*).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí DS-ST: Bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 6.936.000 đồng (*Sáu triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Hoàn trả nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.033.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm ba mươi ba nghìn*) theo biên lai thu tiền số 0001876 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Đinh Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Hòa Thiều Thị Phi Loan

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Hòa Thiều Thị Phi Loan

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa